

Số: 308/QĐ-VP

Chiềng Sinh, ngày 25 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu số 04 (XL):
Thi công xây dựng dự án Đường giao thông tổ 14, phường Chiềng Sinh
(giáp nhà nghỉ Minh Châu đi bản Pắc Ma)**

CHÁNH VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND PHƯỜNG CHIỀNG SINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi số sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Đấu thầu, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải Quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 12/5/2026 của HĐND phường Chiềng Sinh về chủ trương điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư công năm 2026 trên địa bàn phường Chiềng Sinh;

Căn cứ Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của UBND phường Chiềng Sinh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông tổ 14, phường Chiềng Sinh (giáp nhà nghỉ Minh Châu đi bản Pắc Ma);

Căn cứ Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 10/6/2026 UBND phường Chiềng Sinh về việc phê duyệt dự án Đường giao thông tổ 14, phường Chiềng Sinh (giáp nhà nghỉ Minh Châu đi bản Pắc Ma);

Căn cứ Quyết định số 281/QĐ-VP ngày 14/6/2026 của Văn phòng HĐND và UBND phường Chiềng Sinh về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đường giao thông tổ 14, phường Chiềng Sinh (giáp nhà nghỉ Minh Châu đi bản Pắc Ma);

Căn cứ Tờ trình số 25/TTr-NTTB-PM ngày 25/6/2026 của Tổ chuyên gia, Công ty TNHH Ngân Tuấn Tây Bắc về việc đề nghị phê duyệt E-HSMT gói thầu số 04: Thi công xây dựng thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đường giao thông tổ 14, phường Chiềng Sinh (giáp nhà nghỉ Minh Châu đi bản Pắc Ma);

Căn cứ Báo cáo thẩm định E-HSMT số 16/TĐHSMT-XDTP-PM ngày 25/6/2026 của Công ty TNHH tư vấn xây dựng Trường Phúc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt E-HSMT gói thầu số 04: Thi công xây dựng thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đường giao thông tổ 14, phường Chiềng Sinh (giáp nhà nghỉ Minh Châu đi bản Pắc Ma) với nội dung theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Tổ giúp việc dự án, Công ty TNHH Ngân Tuấn Tây Bắc (tư vấn lựa chọn nhà thầu) và Công ty TNHH tư vấn xây dựng Trường Phúc (tư vấn thẩm định E-HSMT kết quả lựa chọn nhà thầu) chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, hợp pháp của hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Văn phòng HĐND-UBND phường; Tổ giúp việc dự án; Giám đốc Công ty TNHH Ngân Tuấn Tây Bắc; Giám đốc Công ty TNHH tư vấn xây dựng Trường Phúc; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch và các PCT UBND phường;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, HSDA (05b)

Q. CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Khánh Hòa

Nguyễn Khánh Hòa

PHỤ LỤC TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT
(Kèm theo Quyết định số 308/QĐ-VP ngày 25/6/2026 của Văn phòng HDND và UBND phường Chiềng Sinh)

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Giá trị bảo đảm dự thầu: 50.400.000 đồng, hiệu lực bảo đảm dự thầu là 120 ngày.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

**Bảng số 01 (Đính kèm cùng E-HSMT trên hệ thống)
BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm | | Các yêu cầu cần tuân thủ | | | Tài liệu cần nộp |
|--------------------------------------|---|---------------------------|-------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| TT | Mô tả | Nhà thầu độc lập | Nhà thầu liên danh | | |
| | | | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh | |
| 1 | Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Mẫu số 07 |
| 2 | Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Cam kết trong đơn dự thầu |
| 3 | Năng lực tài chính | | | | |
| 3.1 | Kết quả hoạt động tài chính⁽³⁾ | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Mẫu số 08A |

Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương.
(Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)

| | | | | | | |
|-----|--|--|---------------------------|---------------------------|---|-----------------|
| 3.2 | Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) | Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁴⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 4.671.289.949 đồng. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Mẫu số 08A |
| 3.3 | Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu | Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao ⁽⁵⁾ , hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là: 1.008.998.629 đồng. Đòi với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện: - Giá trị: Tối thiểu 1.008.998.629 đồng. - Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong 150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 - Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Mẫu số 08B, 08C |
| 4 | Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự | “Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành phần lớn ⁽⁶⁾ tối thiểu 01 công trình trình có: Công trình giao thông cấp IV, có giá trị là 1.681.664.382 đồng với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý ⁽⁷⁾ hoặc nhà thầu phụ. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận) | Mẫu số 5 |

Ghi chú:

(1) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chia khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trưng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(2) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện

nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

(Ví dụ: ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(3) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(4) Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu vào sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (*năm Y-1, năm Y-2...*).

Ví dụ:

- Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

- Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(5) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán để bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính thì nhà thầu phải đính kèm bản scan cam kết cung cấp tín dụng trong E-HSDT.

(6) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(7) Nhà thầu quản lý là nhà thầu không trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc của gói thầu mà ký hợp đồng với các nhà thầu khác để thực hiện nhưng nhà thầu vẫn quản lý việc thực hiện của các nhà thầu mà mình đã ký hợp đồng; đồng thời vẫn chịu toàn bộ trách nhiệm cũng như rủi ro liên quan đến giá thành, tiến độ thực hiện, chất lượng và các nội dung khác của gói thầu.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

a) Nhân sự chủ chốt:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

| STT | Vị trí công việc | Số lượng | Kinh nghiệm trong các công việc tương tự | Chứng chỉ, trình độ chuyên môn |
|-----|-----------------------------------|----------|--|---|
| 1 | Chỉ huy trưởng | 1 | Tối thiểu 03 năm hoặc tham gia là cán bộ tối thiểu 02 hợp đồng tương tự | Bằng tốt nghiệp đại học, chuyên ngành công trình giao thông hoặc tương đương: + Có chứng chỉ hành nghề giám sát công tác xây dựng công trình giao thông hạng III hoặc đã trực tiếp tham gia thi công xây dựng phần việc thuộc nội dung hành nghề của ít nhất 02 công trình giao thông từ cấp IV trở lên (<i>có bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề giám sát kèm theo E-HSDT hoặc các tài liệu chứng minh đã trực tiếp tham gia thi công xây dựng 02 công trình giao thông cấp IV</i>). |
| 2 | Cán bộ kỹ thuật thi công | 1 | Tối thiểu 03 năm hoặc tham gia là cán bộ tối thiểu 01 hợp đồng tương tự | Bằng tốt nghiệp đại học, chuyên ngành công trình giao thông hoặc tương đương |
| 3 | Cán bộ phụ trách an toàn lao động | 1 | Tối thiểu 03 năm hoặc tham gia là cán bộ tối thiểu 01 hợp đồng tương tự | Trình độ trung cấp trở lên, có bằng cấp chuyên ngành bảo hộ lao động hoặc có giấy chứng nhận huấn luyện ATVSLĐ thuộc nhóm 2 (Đính kèm E-HSDT là bản gốc hoặc bản sao chứng thực các tài liệu để chứng minh) |

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu

| STT | Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị | Số lượng tối thiểu cần có |
|-----|------------------------------------|---------------------------|
| 1 | Ô tô tải tự đổ $\geq 6T$ | 02 cái |
| 2 | Máy trộn bê tông 250l | 02 cái |

| | | |
|---|--|--------|
| 3 | Máy đầm dùi | 01 Cái |
| 4 | Máy hàn | 01 Cái |
| 5 | Máy cắt | 01 Cái |
| 6 | Máy đầm bàn | 01 cái |
| 7 | Máy đào dung tích gầu $\geq 0,4 \text{ m}^3$ | 02 cái |
| 8 | Máy ủi | 01 cái |
| 9 | Máy lu | 02 cái |

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt

| STT | Nội dung đánh giá | | Kết quả đánh giá |
|-----|---|---|------------------|
| 1 | Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công | - Có thuyết minh và bản vẽ bố trí tổng mặt bằng tổ chức thi công với đầy đủ các vị trí yêu cầu, đảm bảo khả thi phù hợp với mặt bằng tổng thể công trình theo thiết kế của gói thầu (vị trí bố trí Lán trại tạm; Văn phòng công trường; Thiết bị thi công; Kho bãi tập kết vật liệu, chất thải; Bố trí cổng ra vào, biển báo công trường...) tại địa điểm thi công; - Và có sơ đồ tổ chức bộ máy trên công trường trong đó ghi rõ trách nhiệm của từng người, đặc biệt là vị trí Chỉ huy trưởng công trường; - Và có thuyết minh chi tiết kèm theo bản vẽ giải pháp kỹ thuật, giải pháp thi công hợp lý, phù hợp với điều kiện thi công, biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng các công trình chính gồm: Nền đường, mặt đường bê tông xi măng, rãnh dọc, cống tròn, cống rãnh dọc, cống bản, Viện dẫn đầy đủ các tiêu chuẩn áp dụng còn hiệu lực phù hợp với từng công tác thi công. - Có biện pháp Bảo đảm giao thông | Đạt |
| | | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 2 | Tiến độ thi công | - Có đề xuất thời gian thi công gói thầu ≤ 150 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng; - Và có biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi, | Đạt |

| STT | Nội dung đánh giá | | Kết quả đánh giá |
|-----|--|--|------------------|
| | | <p>phù hợp với đề xuất tiến độ trong E-HSMT và đề xuất về kỹ thuật. Kèm theo biểu đồ tiến độ thi công là biểu đồ huy động nhân lực, máy móc. Các biểu đồ trên phải logic với nhau theo từng thời điểm.</p> | |
| | | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 3 | Các biện pháp bảo đảm chất lượng | <ul style="list-style-type: none"> - Có thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công xây dựng hợp lý, khả thi phù hợp biện pháp thi công của gói thầu. Viện dẫn đầy đủ các tiêu chuẩn áp dụng còn hiệu lực với vật liệu, cốt liệu và tiêu chuẩn phục vụ nghiệm thu; - Và có thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu, vật liệu, thiết bị đầu vào để phục vụ công tác thi công. Viện dẫn đầy đủ các tiêu chuẩn áp dụng còn hiệu lực; - Và có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị thí nghiệm vật tư vật liệu, cấu kiện (<i>kèm tài liệu chứng minh và đảm bảo tính khả thi của đơn vị thực hiện thí nghiệm. Trường hợp đơn vị thí nghiệm không gần địa điểm thi công, phải có thuyết minh phương án thực hiện thí nghiệm</i>) | Đạt |
| | | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 4 | Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động | <ul style="list-style-type: none"> - Có giải pháp vận chuyển tập kết và đổ rác thải rõ ràng, khả thi; - Và có giải pháp cụ thể, khả thi cho việc giảm thiểu bụi, tiếng ồn; - Và có kế hoạch tổ chức đào tạo, an toàn lao động. Có biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công rõ ràng, khả thi; - Và có biện pháp đảm bảo an ninh khu vực, an toàn giao thông trong quá trình thi công rõ ràng, khả thi; - Và có giải pháp khả thi phòng chống cháy nổ, chữa cháy trong công trường | Đạt |
| | | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 5 | Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành | <ul style="list-style-type: none"> - Có cam kết bảo hành công trình theo đúng yêu cầu của E-HSMT với thời gian ≥ 12 tháng; - Và có thuyết minh phương án bảo hành, sửa chữa tại địa điểm xây dựng các kênh liên hệ để chủ đầu tư liên hệ khi cần bảo hành; - Và cam kết, kèm theo phương án khả thi | Đạt |

| STT | Nội dung đánh giá | | Kết quả đánh giá |
|-----|--|---|--|
| | | <p>để khắc phục hỏng hóc, sửa chữa trong vòng 72 giờ tại địa điểm xây dựng kể từ khi nhận được thông báo của chủ đầu tư (<i>kể cả ngày lễ, ngày nghỉ theo quy định</i>).</p> | |
| 6 | <p>Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP</p> | <p>Không đáp ứng yêu cầu nêu trên</p> <p>- Nhà thầu cam kết tất cả các hợp đồng trước đó đều hoàn thành đúng tiến độ, quá trình thực hiện nhà thầu không vi phạm hợp đồng, không bị chấm dứt hợp đồng; - Và nhà thầu cam kết tất cả các hợp đồng đã thực hiện đều được bảo hành kịp thời, không phát sinh lỗi lớn trong thời gian bảo hành và quá trình sử dụng tới thời điểm hiện tại.</p> <p>- Nhà thầu có 01 hợp đồng tiến độ do lỗi nhà thầu hoặc có 01 hợp đồng vi phạm hợp đồng bị chấm dứt hợp đồng; - Hoặc có 01 hợp đồng trong quá trình bảo hành, bị chậm trễ trong khâu bảo hành hoặc có 01 hợp đồng trong quá trình bảo hành phát sinh lỗi nghiêm trọng</p> | <p>Không đạt</p> <p>Đạt</p> <p>Không đạt</p> |
| 7 | <p>Yêu cầu về vật tư, vật liệu đưa vào công trình (Xi măng, sắt thép các loại, Đất, đá, cấp phối đá dăm, cát các loại)</p> | <p>- Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc (<i>trong hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết và tài liệu có trong E-HSĐT phải nêu rõ thương hiệu hoặc nhãn hiệu, nhà sản xuất, nguồn gốc xuất xứ</i>) đối với các loại vật tư, vật liệu (<i>gồm: Cát, đá, xi măng, sắt, thép, ...</i>). Mỗi vật tư, vật liệu được đề xuất tối đa 3 thương hiệu. Thứ tự ưu tiên từ trái qua phải và không được dùng thuật ngữ “hoặc tương đương” - Đối với vật liệu đất đá, cấp phối đá dăm các loại: Nhà thầu kê khai chi tiết nguồn gốc vật liệu, bao gồm vị trí địa lý cụ thể (xã/phường, tỉnh), tên đầy đủ của mỏ, đơn vị thực hiện khai thác rõ ràng, khả thi - Và vật liệu chính dự kiến sử dụng phải đảm bảo tính khả thi trong việc cung ứng, vận chuyển.</p> | <p>Đạt</p> <p>Không đạt</p> |
| 8 | <p>Các yếu tố về điều kiện thương mại, đào tạo chuyển giao công nghệ</p> | <p>Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên</p> <p>- Nhà thầu cam kết thương thảo, ký kết hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư; - Và nhà thầu cam kết sẽ chấp thuận hoàn toàn các điều kiện thương mại đã được nêu tại E-HSMT (<i>bao gồm nhưng không giới hạn: Tạm ứng hợp đồng, thưởng phạt hợp đồng...</i>);</p> | <p>Không đạt</p> <p>Đạt</p> |

| STT | Nội dung đánh giá | | Kết quả đánh giá |
|-----|-------------------|--|------------------|
| | | - Và có cam kết trong giá dự thầu phải bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí, lệ phí, bảo hiểm, bảo hành..... | |
| | | Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên | Không đạt |

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Sử dụng phương pháp giá thấp nhất. Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT